

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **06** /2021/NQ-HĐND

Yên Bái, ngày **19** tháng 4 năm 2021

**NGHỊ QUYẾT**

**Ban hành một số chính sách về hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể  
tỉnh Yên Bái giai đoạn 2021 - 2025**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI  
KHÓA XVIII - KỲ HỌP THỨ 21 (CHUYÊN ĐỀ)**

- Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*
- Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*
- Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*
- Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*
- Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*
- Căn cứ Luật Hợp tác xã ngày 20 tháng 11 năm 2012;*
- Căn cứ Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã; Nghị định số 107/2017/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã;*
- Căn cứ Nghị định số 77/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2019 của Chính phủ về Tổ hợp tác;*
- Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*
- Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

Căn cứ Nghị định số 90/2019/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động;

Thực hiện Quyết định số 340/QĐ-TTg ngày 12 tháng 3 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021 - 2030; Quyết định số 1804/QĐ-TTg ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021 - 2025; Quyết định số 167/QĐ-TTg ngày 03 tháng 02 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án lựa chọn, hoàn thiện, nhân rộng mô hình hợp tác xã kiểu mới hiệu quả tại các địa phương trên cả nước giai đoạn 2021 - 2025;

Xét Tờ trình số 26/TTr-UBND ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về một số chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể tỉnh Yên Bái giai đoạn 2021 - 2025; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

### QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1.** Ban hành một số chính sách về hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể tỉnh Yên Bái giai đoạn 2021 - 2025, cụ thể như sau:

1. Hỗ trợ thành lập mới hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

a) Đối tượng hỗ trợ: Các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thành lập mới trên địa bàn tỉnh Yên Bái theo quy định của pháp luật hiện hành.

b) Nội dung và mức hỗ trợ:

Hỗ trợ không quá 20 triệu đồng cho mỗi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thành lập mới, bao gồm các nội dung cụ thể như sau:

Hỗ trợ kinh phí làm 01 con dấu, mức hỗ trợ tối đa 0,5 triệu đồng/hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;

Hỗ trợ kinh phí làm biển hiệu, mức hỗ trợ tối đa 02 triệu đồng/hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;

Hỗ trợ kinh phí mua phần mềm kế toán, mức hỗ trợ tối đa 03 triệu đồng/hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;

Hỗ trợ kinh phí cho dịch vụ chữ ký số, mức hỗ trợ tối đa 01 triệu đồng/hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;

Hỗ trợ việc mua và in hóa đơn, văn phòng phẩm phục vụ cho việc lưu giữ tài liệu tại hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, mức hỗ trợ tối đa 1,5 triệu đồng/hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;

Hỗ trợ mua sắm trang thiết bị văn phòng, mức hỗ trợ tối đa 12 triệu đồng/hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

c) Phương thức hỗ trợ: Hỗ trợ sau đầu tư trên cơ sở hồ sơ đề nghị hỗ trợ theo quy định.

d) Số lượng hỗ trợ: Mỗi năm hỗ trợ khoảng 65 hợp tác xã; giai đoạn 2021 - 2025 hỗ trợ khoảng 325 hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thành lập mới.

## 2. Hỗ trợ đào tạo

a) Đối tượng hỗ trợ: Thành viên, người lao động đang làm công tác quản lý, chuyên môn kỹ thuật, nghiệp vụ của các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên địa bàn tỉnh.

### b) Điều kiện hỗ trợ:

Được hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã cử tham gia đào tạo chuyên ngành phù hợp với vị trí công tác và nhu cầu của đơn vị; đủ điều kiện tuyển sinh của cơ sở đào tạo; có năng lực và trình độ phù hợp với khóa học; được Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái chấp thuận hỗ trợ kinh phí đào tạo.

Đối với trường hợp cử đi đào tạo dài hạn: Ngoài việc đáp ứng các điều kiện trên, đối tượng được hỗ trợ phải dưới 50 tuổi và cam kết bằng văn bản làm việc trong hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã ít nhất bằng hai lần thời gian tham gia khóa đào tạo, chịu trách nhiệm bồi hoàn kinh phí đào tạo đối với Nhà nước trong trường hợp không thực hiện cam kết.

c) Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ học phí theo mức quy định của cơ sở đào tạo; hỗ trợ kinh phí mua giáo trình của khóa học; hỗ trợ chi phí ăn, ở.

### d) Mức hỗ trợ:

Hỗ trợ 100% kinh phí trả học phí, tài liệu học tập theo quy định của cơ sở đào tạo;

Hỗ trợ kinh phí ăn, ở cho học viên bằng 1,5 lần mức lương tối thiểu vùng/người/tháng.

đ) Số lượng hỗ trợ: Mỗi năm hỗ trợ tối đa 05 thành viên, người lao động đi đào tạo dài hạn, thời gian hỗ trợ tối đa là 05 năm/thành viên, người lao động; hỗ trợ tối đa 20 thành viên, người lao động đi đào tạo ngắn hạn, thời gian hỗ trợ tối đa là 12 tháng/thành viên, người lao động.

## 3. Hỗ trợ đưa lao động trẻ về làm việc tại hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

a) Đối tượng hỗ trợ: Lao động trẻ tốt nghiệp cao đẳng, đại học, sau đại học.

b) Điều kiện hỗ trợ: Được hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có nhu cầu đồng ý tuyển dụng lao động; chuyên ngành đã được đào tạo phù hợp với vị trí công tác và nhu cầu của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã tuyển dụng; được Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái chấp thuận hỗ trợ.

c) Nội dung và mức hỗ trợ: Hỗ trợ lương cho lao động trẻ tốt nghiệp cao đẳng, đại học, sau đại học về làm việc tại hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên địa bàn tỉnh; mức hỗ trợ hàng tháng bằng 1,5 lần mức lương tối thiểu vùng, tối đa 36 tháng/người, tối đa 02 người/hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã/năm.

d) Số lượng hỗ trợ: Mỗi năm hỗ trợ tối đa 10 lao động.

4. Hỗ trợ kinh phí tham gia hội chợ, triển lãm trong nước

a) Đối tượng hỗ trợ: Các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên địa bàn tỉnh.

b) Điều kiện hỗ trợ: Các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có sản phẩm gắn với chuỗi giá trị, thực hành sản xuất xanh, sản phẩm OCOP theo quy định hiện hành; được Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái chấp thuận hỗ trợ.

c) Nội dung và mức hỗ trợ: Hỗ trợ 100% kinh phí tham gia hội chợ, triển lãm trong nước nhưng tối đa không quá 10 triệu đồng/hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã/lần, tối đa 02 lần/hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã/năm.

d) Số lượng hỗ trợ: Tối đa 30 hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã/năm.

5. Hỗ trợ kinh phí thuê địa điểm và vận hành một số điểm giới thiệu, bán sản phẩm

a) Đối tượng hỗ trợ: Các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên địa bàn tỉnh.

b) Điều kiện hỗ trợ: Các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có sản phẩm gắn với chuỗi giá trị, thực hành sản xuất xanh, sản phẩm OCOP theo quy định hiện hành; được Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái chấp thuận hỗ trợ.

c) Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ kinh phí thuê địa điểm và vận hành một số điểm giới thiệu, bán sản phẩm tại các địa điểm trong và ngoài tỉnh ở trong nước cho các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

d) Mức hỗ trợ, thời gian hỗ trợ:

Hỗ trợ 70% chi phí thuê mặt bằng thực tế nhưng tối đa không quá 05 triệu đồng/tháng cho mỗi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuê địa điểm và vận hành một số điểm giới thiệu, bán sản phẩm trong tỉnh;

Hỗ trợ 70% chi phí thuê mặt bằng thực tế nhưng tối đa không quá 10 triệu đồng/tháng cho mỗi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuê địa điểm và vận hành một số điểm giới thiệu, bán sản phẩm ngoài tỉnh.

Thời gian hỗ trợ tối đa cho mỗi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã là 02 năm.

đ) Số lượng hỗ trợ: Mỗi năm hỗ trợ chi phí thuê địa điểm và vận hành một số điểm giới thiệu, bán sản phẩm trong tỉnh cho tối đa 12 hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; hỗ trợ chi phí thuê địa điểm và vận hành một số điểm giới thiệu, bán sản phẩm ngoài tỉnh cho tối đa 03 hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

6. Các chính sách hỗ trợ đối với tổ chức kinh tế tập thể không quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều này thực hiện theo Quyết định số 1804/QĐ-TTg ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021 - 2025; Quyết định số 167/QĐ-TTg ngày 03 tháng 02 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án lựa chọn, hoàn thiện, nhân rộng mô hình hợp tác xã kiểu mới hiệu quả tại các địa phương trên cả nước giai đoạn 2021 - 2025 và các quy định hiện hành của nhà nước.

## **Điều 2. Kinh phí thực hiện**

1. Nguồn kinh phí thực hiện chính sách được đảm bảo từ nguồn ngân sách tỉnh. Kinh phí được giao trong dự toán ngân sách hàng năm theo quy định.
2. Tổng kinh phí thực hiện chính sách khoảng 46.535 triệu đồng, trong đó giai đoạn 2021 - 2025 là 39.833 triệu đồng.

## **Điều 3. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn, tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này theo quy định của pháp luật.
2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

**Điều 4.** Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 09/2017/NQ-HĐND ngày 10 tháng 4 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về củng cố, phát triển hợp tác xã, tổ hợp tác tỉnh Yên Bái giai đoạn 2017 - 2020, định hướng đến năm 2030.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái khóa XVIII - Kỳ họp thứ 21 (chuyên đề) thông qua ngày 19 tháng 4 năm 2021 và có hiệu lực kể từ ngày 29 tháng 4 năm 2021./.

**Nơi nhận:** *th*

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các bộ: Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính; Công Thương; Tài nguyên và Môi trường; Khoa học và Công nghệ; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Thường trực HĐND các huyện, thị xã, thành phố;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT.

**PHÓ CHỦ TỊCH**



*[Handwritten signature]*  
**Vũ Quỳnh Khánh**

